

**PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM**

Số: 541.../ KSBT-XN-CDHA-TDCN

1. Tên khách hàng: **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔ THỊ CAM RANH**

2. Địa chỉ: 70 Nguyễn Trọng Kỳ - Phường Cam Linh - Khánh Hòa

3. Mã số mẫu: 10125HNHĐ

4. Loại mẫu: Nước sạch dùng cho mục đích sinh hoạt

5. Vị trí lấy mẫu: Tại nhà máy nước 3

6. Mô tả mẫu: 04 lít đựng trong chai nhựa PE

7. Ngày lấy mẫu: 18/8/2025

8. Ngày nhận mẫu: 18/8/2025

9. Thời gian kiểm nghiệm: 18/8/2025 đến 21/8/2025

10. Ngày hẹn trả kết quả: 04/9/2025

11. Kết quả kiểm nghiệm: xem trang 2/2



Khánh Hòa, ngày 21 tháng 8 năm 2025

**TRƯỞNG KHOA**

**Ths. Trương Thị Lan Anh**

**GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**



**Nguyễn Đức Tình**

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu được kiểm nghiệm.
- Không được trích sao một phần của kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của giám đốc trung tâm.
- Hết thời gian lưu mẫu Trung tâm không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại kết quả kiểm nghiệm của khách hàng.
- Để biết thêm thông tin, xin liên hệ: Khoa Xét nghiệm - CDHA - TDCN, địa chỉ: 04 Quang Trung - Nha Trang - Khánh Hòa. Điện thoại: 0258.3560.811



## KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

| TT | Chỉ tiêu Xét nghiệm/Đơn vị tính | Phương pháp thử | Kết quả | Giới hạn cho phép <sup>(**)</sup> |
|----|---------------------------------|-----------------|---------|-----------------------------------|
| 1  | Mangan (Mn) (mg/L)              | HACH 8149:2014  | 0,011   | 0,1                               |
| 2  | Sắt (Ferrum) (Fe) (mg/L)        | HACH 8147:2014  | 0,007   | 0,3                               |

**Ghi chú:**

KPH: không phát hiện

LOD: Giới hạn cho phép

(\*): Chỉ tiêu đã được VILAS công nhận

(\*\*): Giới hạn cho phép theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch (QCVN 01 - 1 : 2024/BYT)

**PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM**

Số: 560...../KSBT-XN-CDHA-TDCN



1. Tên khách hàng: **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔ THỊ CAM RANH**
2. Địa chỉ: 70 Nguyễn Trọng Kỳ - Phường Cam Linh – Khánh Hòa
3. Mã số mẫu: 45825HD
4. Loại mẫu: Nước sạch dùng cho mục đích sinh hoạt
5. Vị trí lấy mẫu: Tại nhà máy 1
6. Mô tả mẫu: 04 lít đựng trong chai nhựa PE làm HÓA và 01 lít đựng trong chai thủy tinh vô khuẩn làm Vi sinh
7. Ngày lấy mẫu: 18/8/2025
8. Ngày nhận mẫu: 18/8/2025
9. Thời gian kiểm nghiệm: 18/8/2025 đến 03/9/2025
10. Ngày hẹn trả kết quả: 04/9/2025
11. Kết quả kiểm nghiệm: xem trang 2/2

Khánh Hòa, ngày 03 tháng 9 năm 2025

**TRƯỞNG KHOA**

**Ths. Trương Thị Lan Anh**

**GIÁM ĐỐC**



**Phạm Trọng Hoàng Vinh**

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu được kiểm nghiệm.
- Không được trích sao một phần của kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của giám đốc trung tâm.
- Hết thời gian lưu mẫu Trung tâm không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại kết quả kiểm nghiệm của khách hàng.
- Để biết thêm thông tin, xin liên hệ: Khoa Xét nghiệm - CDHA - TDCN, địa chỉ: 04 Quang Trung – Nha Trang – Khánh Hòa. Điện thoại: 0258.3560.811



## KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

| TT | Chỉ tiêu Xét nghiệm/Đơn vị tính                                            | Phương pháp thử                            | Kết quả             | Giới hạn cho phép <sup>(***)</sup> |
|----|----------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------|---------------------|------------------------------------|
| 1  | Định lượng Coliforms tổng số <sup>(*)</sup><br>Phương pháp màng lọc        | TCVN 6187-1:2019                           | 0                   | < 1                                |
| 2  | Định lượng E.Coli <sup>(*)</sup><br>Phương pháp màng lọc                   | TCVN 6187-1:2019                           | 0                   | < 1                                |
| 3  | Màu sắc (TCU) <sup>(*)</sup>                                               | HACH 8025:2014                             | KPH<br>LOD=1,7      | 15                                 |
| 4  | Mùi <sup>(*)</sup>                                                         | QTKT-HNMV-09:2003<br>(Ref.SMEWW 2150:2023) | Không phát hiện mùi | Không có mùi lạ                    |
| 5  | pH <sup>(*)</sup>                                                          | TCVN 6492:2011                             | 7,01                | Trong khoảng 6,0-8,5               |
| 6  | Độ đục (NTU) <sup>(*)</sup>                                                | TCVN 12402-1:2020                          | 0,20                | 2                                  |
| 7  | Clo dư tự do (mg/L) <sup>(*)</sup>                                         | HACH 58700-00<br>Colorimeter               | 0,9                 | Trong khoảng 0,2-1,0               |
| 8  | Permanganat (mg/L)                                                         | TCVN 6186:1996                             | 0,8                 | 2                                  |
| 9  | Amoni (NH <sub>3</sub> và NH <sub>4</sub> <sup>+</sup> tính theo N) (mg/L) | HACH 8038:2017                             | KPH                 | 1                                  |
| 10 | Asen (Arsenic) (As) (mg/L) <sup>(**)</sup>                                 | TCVN 6626:2000                             | KPH                 | 0,01                               |

### Ghi chú:

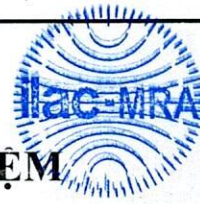
KPH: không phát hiện

LOD: Giới hạn cho phép

<sup>(\*)</sup>: Chỉ tiêu đã được VILAS công nhận

<sup>(\*\*)</sup>: Chỉ tiêu được thực hiện bởi nhà thầu phụ

<sup>(\*\*\*)</sup>: Giới hạn cho phép theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch (QCVN 01 - 1 : 2024/BYT)



**PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM**

Số: 561.... /KSBT-XN-CDHA-TDCN

1. Tên khách hàng: **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔ THỊ CAM RANH**
2. Địa chỉ: 70 Nguyễn Trọng Kỳ - Phường Cam Linh – Khánh Hòa
3. Mã số mẫu: 45925HD
4. Loại mẫu: Nước sạch dùng cho mục đích sinh hoạt
5. Vị trí lấy mẫu: Tại nhà máy 2
6. Mô tả mẫu: 04 lít đựng trong chai nhựa PE làm HÓA và 01 lít đựng trong chai thủy tinh vô khuẩn làm Vi sinh
7. Ngày lấy mẫu: 18/8/2025
8. Ngày nhận mẫu: 18/8/2025
9. Thời gian kiểm nghiệm: 18/8/2025 đến 03/9/2025
10. Ngày hẹn trả kết quả: 04/9/2025
11. Kết quả kiểm nghiệm: xem trang 2/2

Khánh Hòa, ngày 03 tháng 9 năm 2025

**TRƯỞNG KHOA**

**Ths. Trương Thị Lan Anh**

**GIÁM ĐỐC**

**Phạm Trọng Hoàng Vinh**

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu được kiểm nghiệm.
- Không được trích sao một phần của kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của giám đốc trung tâm
- Hết thời gian lưu mẫu Trung tâm không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại kết quả kiểm nghiệm của khách hàng.
- Để biết thêm thông tin, xin liên hệ: Khoa Xét nghiệm – CDHA - TDCN, địa chỉ: 04 Quang Trung – Nha Trang – Khánh Hòa. Điện thoại: 0258.3560.811

**KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM**



| TT | Chỉ tiêu Xét nghiệm/Đơn vị tính                                            | Phương pháp thử                            | Kết quả             | Giới hạn cho phép <sup>(***)</sup> |
|----|----------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------|---------------------|------------------------------------|
| 1  | Định lượng Coliforms tổng số <sup>(*)</sup><br>Phương pháp màng lọc        | TCVN 6187-1:2019                           | 0                   | < 1                                |
| 2  | Định lượng E.Coli <sup>(*)</sup><br>Phương pháp màng lọc                   | TCVN 6187-1:2019                           | 0                   | < 1                                |
| 3  | Màu sắc (TCU) <sup>(*)</sup>                                               | HACH 8025:2014                             | KPH<br>LOD=1,7      | 15                                 |
| 4  | Mùi <sup>(*)</sup>                                                         | QTKT-HNMV-09:2003<br>(Ref.SMEWW 2150:2023) | Không phát hiện mùi | Không có mùi lạ                    |
| 5  | pH <sup>(*)</sup>                                                          | TCVN 6492:2011                             | 6,99                | Trong khoảng 6,0-8,5               |
| 6  | Độ đục (NTU) <sup>(*)</sup>                                                | TCVN 12402-1:2020                          | 0,22                | 2                                  |
| 7  | Clo dư tự do (mg/L) <sup>(*)</sup>                                         | HACH 58700-00<br>Colorimeter               | 0,7                 | Trong khoảng 0,2-1,0               |
| 8  | Permanganat (mg/L)                                                         | TCVN 6186:1996                             | 0,6                 | 2                                  |
| 9  | Amoni (NH <sub>3</sub> và NH <sub>4</sub> <sup>+</sup> tính theo N) (mg/L) | HACH 8038:2017                             | KPH                 | 1                                  |
| 10 | Asen (Arsenic) (As) (mg/L) <sup>(**)</sup>                                 | TCVN 6626:2000                             | KPH                 | 0,01                               |

**Ghi chú:**

KPH: không phát hiện

LOD: Giới hạn cho phép

<sup>(\*)</sup>: Chỉ tiêu đã được VILAS công nhận

<sup>(\*\*)</sup>: Chỉ tiêu được thực hiện bởi nhà thầu phụ

<sup>(\*\*\*)</sup>: Giới hạn cho phép theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch (QCVN 01 - 1 : 2024/BYT)



## PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Số: 562.../KSBT-XN-CDHA-TDCN

- Tên khách hàng: **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔ THỊ CAM RANH**
- Địa chỉ: 70 Nguyễn Trọng Kỳ - Phường Cam Linh – Khánh Hòa
- Mã số mẫu: 46025HD
- Loại mẫu: Nước sạch dùng cho mục đích sinh hoạt
- Vị trí lấy mẫu: Tại nhà máy 3
- Mô tả mẫu: 04 lít đựng trong chai nhựa PE làm Hôa và 01 lít đựng trong chai thủy tinh vô khuẩn làm Vi sinh
- Ngày lấy mẫu: 18/8/2025
- Ngày nhận mẫu: 18/8/2025
- Thời gian kiểm nghiệm: 18/8/2025 đến 03/9/2025
- Ngày hẹn trả kết quả: 04/9/2025
- Kết quả kiểm nghiệm: xem trang 2/2

Khánh Hòa, ngày 03 tháng 9 năm 2025

**TRƯỞNG KHOA**

**Ths. Trương Thị Lan Anh**

**GIÁM ĐỐC**

**Phạm Trọng Hoàng Vinh**

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu được kiểm nghiệm.
- Không được trích sao một phần của kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của giám đốc trung tâm
- Hết thời gian lưu mẫu Trung tâm không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại kết quả kiểm nghiệm của khách hàng.
- Để biết thêm thông tin, xin liên hệ: Khoa Xét nghiệm – CDHA - TDCN, địa chỉ: 04 Quang Trung – Nha Trang – Khánh Hòa. Điện thoại: 0258.3560.811

## KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM



| TT | Chỉ tiêu Xét nghiệm/Đơn vị tính                                            | Phương pháp thử                            | Kết quả                   | Giới hạn cho phép <sup>(***)</sup> |
|----|----------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------|---------------------------|------------------------------------|
| 1  | Định lượng Coliforms tổng số <sup>(*)</sup><br>Phương pháp màng lọc        | TCVN 6187-1:2019                           | 0                         | < 1                                |
| 2  | Định lượng E.Coli <sup>(*)</sup><br>Phương pháp màng lọc                   | TCVN 6187-1:2019                           | 0                         | < 1                                |
| 3  | Màu sắc (TCU) <sup>(*)</sup>                                               | HACH 8025:2014                             | KPH<br>LOD=1,7            | 15                                 |
| 4  | Mùi <sup>(*)</sup>                                                         | QTKT-HNMV-09:2003<br>(Ref.SMEWW 2150:2023) | Không phát hiện mùi       | Không có mùi lạ                    |
| 5  | pH <sup>(*)</sup>                                                          | TCVN 6492:2011                             | 6,98                      | Trong khoảng 6,0-8,5               |
| 6  | Độ đục (NTU) <sup>(*)</sup>                                                | TCVN 12402-1:2020                          | 0,16                      | 2                                  |
| 7  | Clo dư tự do (mg/L) <sup>(*)</sup>                                         | HACH 58700-00<br>Colorimeter               | 0,6                       | Trong khoảng 0,2-1,0               |
| 8  | Permanganat (mg/L)                                                         | TCVN 6186:1996                             | 0,8                       | 2                                  |
| 9  | Amoni (NH <sub>3</sub> và NH <sub>4</sub> <sup>+</sup> tính theo N) (mg/L) | HACH 8038:2017                             | KPH                       | 1                                  |
| 10 | Asen (Arsenic) (As) (mg/L) <sup>(**)</sup>                                 | TCVN 6626:2000                             | < MQL= 0,0012<br>(0,0007) | 0,01                               |

### Ghi chú:

KPH: không phát hiện

LOD: Giới hạn cho phép

MQL: Ngưỡng định lượng của phương pháp

<sup>(\*)</sup>: Chỉ tiêu đã được VILAS công nhận

<sup>(\*\*)</sup>: Chỉ tiêu được thực hiện bởi nhà thầu phụ

<sup>(\*\*\*)</sup>: Giới hạn cho phép theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch (QCVN 01 - 1 : 2024/BYT)



## PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Số: 563.../KSBT-XN-CDHA-TDCN

- Tên khách hàng: **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔ THỊ CAM RANH**
- Địa chỉ: 70 Nguyễn Trọng Kỳ - Phường Cam Linh – Khánh Hòa
- Mã số mẫu: 46125HD
- Loại mẫu: Nước sạch dùng cho mục đích sinh hoạt
- Vị trí lấy mẫu: Tại Ủy ban mặt trận tổ quốc Việt Nam phường Bắc Cam Ranh
- Mô tả mẫu: 04 lít đựng trong chai nhựa PE làm HÓA và 01 lít đựng trong chai thủy tinh vô khuẩn làm Vi sinh
- Ngày lấy mẫu: 18/8/2025
- Ngày nhận mẫu: 18/8/2025
- Thời gian kiểm nghiệm: 18/8/2025 đến 03/9/2025
- Ngày hẹn trả kết quả: 04/9/2025
- Kết quả kiểm nghiệm: xem trang 2/2

Khánh Hòa, ngày 03 tháng 9 năm 2025

TRƯỞNG KHOA

Ths. Trương Thị Lan Anh

GIÁM ĐỐC



Phạm Trọng Hoàng Vinh

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu được kiểm nghiệm.
- Không được trích sao một phần của kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của giám đốc trung tâm
- Hết thời gian lưu mẫu Trung tâm không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại kết quả kiểm nghiệm của khách hàng.
- Để biết thêm thông tin, xin liên hệ: Khoa Xét nghiệm – CDHA - TDCN, địa chỉ: 04 Quang Trung – Nha Trang – Khánh Hòa. Điện thoại: 0258.3560.811



## KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

| TT | Chỉ tiêu Xét nghiệm/Đơn vị tính                                            | Phương pháp thử                            | Kết quả             | Giới hạn cho phép <sup>(***)</sup> |
|----|----------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------|---------------------|------------------------------------|
| 1  | Định lượng Coliforms tổng số <sup>(*)</sup><br>Phương pháp màng lọc        | TCVN 6187-1:2019                           | 0                   | < 1                                |
| 2  | Định lượng E.Coli <sup>(*)</sup><br>Phương pháp màng lọc                   | TCVN 6187-1:2019                           | 0                   | < 1                                |
| 3  | Màu sắc (TCU) <sup>(*)</sup>                                               | HACH 8025:2014                             | KPH<br>LOD=1,7      | 15                                 |
| 4  | Mùi <sup>(*)</sup>                                                         | QTKT-HNMV-09:2003<br>(Ref.SMEWW 2150:2023) | Không phát hiện mùi | Không có mùi lạ                    |
| 5  | pH <sup>(*)</sup>                                                          | TCVN 6492:2011                             | 6,94                | Trong khoảng 6,0-8,5               |
| 6  | Độ đục (NTU) <sup>(*)</sup>                                                | TCVN 12402-1:2020                          | 0,23                | 2                                  |
| 7  | Clo dư tự do (mg/L) <sup>(*)</sup>                                         | HACH 58700-00<br>Colorimeter               | 0,4                 | Trong khoảng 0,2-1,0               |
| 8  | Permanganat (mg/L)                                                         | TCVN 6186:1996                             | 0,5                 | 2                                  |
| 9  | Amoni (NH <sub>3</sub> và NH <sub>4</sub> <sup>+</sup> tính theo N) (mg/L) | HACH 8038:2017                             | KPH                 | 1                                  |
| 10 | Asen (Arsenic) (As) (mg/L) <sup>(**)</sup>                                 | TCVN 6626:2000                             | KPH                 | 0,01                               |

### Ghi chú:

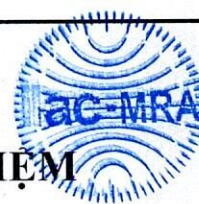
KPH: không phát hiện

LOD: Giới hạn cho phép

<sup>(\*)</sup>: Chỉ tiêu đã được VILAS công nhận

<sup>(\*\*)</sup>: Chỉ tiêu được thực hiện bởi nhà thầu phụ

<sup>(\*\*\*)</sup>: Giới hạn cho phép theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch (QCVN 01 - 1 : 2024/BYT)



## PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Số: 564.../KSBT-XN-CDHA-TDCN

- Tên khách hàng: **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔ THỊ CAM RANH**
- Địa chỉ: 70 Nguyễn Trọng Kỳ - Phường Cam Linh – Khánh Hòa
- Mã số mẫu: 46225HD
- Loại mẫu: Nước sạch dùng cho mục đích sinh hoạt
- Vị trí lấy mẫu: Tại TYT xã Nam Cam Ranh
- Mô tả mẫu: 04 lít đựng trong chai nhựa PE làm Hóa và 01 lít đựng trong chai thủy tinh vô khuẩn làm Vi sinh
- Ngày lấy mẫu: 18/8/2025
- Ngày nhận mẫu: 18/8/2025
- Thời gian kiểm nghiệm: 18/8/2025 đến 03/9/2025
- Ngày hẹn trả kết quả: 04/9/2025
- Kết quả kiểm nghiệm: xem trang 2/2

Khánh Hòa, ngày 03 tháng 9 năm 2025

TRƯỞNG KHOA

Ths. Trương Thị Lan Anh

GIÁM ĐỐC



Phạm Trọng Hoàng Vinh

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu được kiểm nghiệm.
- Không được trích sao một phần của kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của giám đốc trung tâm.
- Hết thời gian lưu mẫu Trung tâm không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại kết quả kiểm nghiệm của khách hàng.
- Để biết thêm thông tin, xin liên hệ: Khoa Xét nghiệm – CDHA - TDCN, địa chỉ: 04 Quang Trung – Nha Trang – Khánh Hòa. Điện thoại: 0258.3560.811



## KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

| TT | Chỉ tiêu Xét nghiệm/Đơn vị tính                                            | Phương pháp thử                            | Kết quả                   | Giới hạn cho phép <sup>(***)</sup> |
|----|----------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------|---------------------------|------------------------------------|
| 1  | Định lượng Coliforms tổng số <sup>(*)</sup><br>Phương pháp màng lọc        | TCVN 6187-1:2019                           | 0                         | < 1                                |
| 2  | Định lượng E.Coli <sup>(*)</sup><br>Phương pháp màng lọc                   | TCVN 6187-1:2019                           | 0                         | < 1                                |
| 3  | Màu sắc (TCU) <sup>(*)</sup>                                               | HACH 8025:2014                             | KPH<br>LOD=1,7            | 15                                 |
| 4  | Mùi <sup>(*)</sup>                                                         | QTKT-HNMV-09:2003<br>(Ref.SMEWW 2150:2023) | Không phát hiện mùi       | Không có mùi lạ                    |
| 5  | pH <sup>(*)</sup>                                                          | TCVN 6492:2011                             | 6,97                      | Trong khoảng 6,0-8,5               |
| 6  | Độ đục (NTU) <sup>(*)</sup>                                                | TCVN 12402-1:2020                          | 0,19                      | 2                                  |
| 7  | Clo dư tự do (mg/L) <sup>(*)</sup>                                         | HACH 58700-00<br>Colorimeter               | 0,5                       | Trong khoảng 0,2-1,0               |
| 8  | Permanganat (mg/L)                                                         | TCVN 6186:1996                             | 0,8                       | 2                                  |
| 9  | Amoni (NH <sub>3</sub> và NH <sub>4</sub> <sup>+</sup> tính theo N) (mg/L) | HACH 8038:2017                             | KPH                       | 1                                  |
| 10 | Asen (Arsenic) (As) (mg/L) <sup>(**)</sup>                                 | TCVN 6626:2000                             | < MQL= 0,0012<br>(0,0007) | 0,01                               |

### Ghi chú:

KPH: không phát hiện

LOD: Giới hạn cho phép

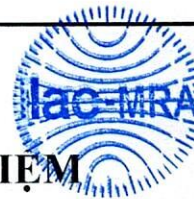
MQL: Ngưỡng định lượng của phương pháp

<sup>(\*)</sup>: Chỉ tiêu đã được VILAS công nhận

<sup>(\*\*)</sup>: Chỉ tiêu được thực hiện bởi nhà thầu phụ

<sup>(\*\*\*)</sup>: Giới hạn cho phép theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch (QCVN 01 - 1 : 2024/BYT)

0017 200001 00001 00001



**PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM**

Số: 565...../KSBT-XN-CDHA-TDCN

1. Tên khách hàng: **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔ THỊ CAM RANH**
2. Địa chỉ: 70 Nguyễn Trọng Kỳ - Phường Cam Linh – Khánh Hòa
3. Mã số mẫu: 46325HD
4. Loại mẫu: Nước sạch dùng cho mục đích sinh hoạt
5. Vị trí lấy mẫu: Tại văn phòng công ty
6. Mô tả mẫu: 04 lít đựng trong chai nhựa PE làm Hóa và 01 lít đựng trong chai thủy tinh vô khuẩn làm Vi sinh
7. Ngày lấy mẫu: 18/8/2025
8. Ngày nhận mẫu: 18/8/2025
9. Thời gian kiểm nghiệm: 18/8/2025 đến 03/9/2025
10. Ngày hẹn trả kết quả: 04/9/2025
11. Kết quả kiểm nghiệm: xem trang 2/2

Khánh Hòa, ngày 03 tháng 9 năm 2025

**TRƯỞNG KHOA**

**Ths. Trương Thị Lan Anh**

**GIÁM ĐỐC**



**Phạm Trọng Hoàng Vinh**

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu được kiểm nghiệm.
- Không được trích sao một phần của kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của giám đốc trung tâm.
- Hết thời gian lưu mẫu Trung tâm không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại kết quả kiểm nghiệm của khách hàng.
- Để biết thêm thông tin, xin liên hệ: Khoa Xét nghiệm – CDHA - TDCN, địa chỉ: 04 Quang Trung – Nha Trang – Khánh Hòa. Điện thoại: 0258.3560.811



## KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

| TT | Chỉ tiêu Xét nghiệm/Đơn vị tính                                            | Phương pháp thử                            | Kết quả                   | Giới hạn cho phép <sup>(***)</sup> |
|----|----------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------|---------------------------|------------------------------------|
| 1  | Định lượng Coliforms tổng số <sup>(*)</sup><br>Phương pháp màng lọc        | TCVN 6187-1:2019                           | 0                         | < 1                                |
| 2  | Định lượng E.Coli <sup>(*)</sup><br>Phương pháp màng lọc                   | TCVN 6187-1:2019                           | 0                         | < 1                                |
| 3  | Màu sắc (TCU) <sup>(*)</sup>                                               | HACH 8025:2014                             | KPH<br>LOD=1,7            | 15                                 |
| 4  | Mùi <sup>(*)</sup>                                                         | QTKT-HNMV-09:2003<br>(Ref.SMEWW 2150:2023) | Không phát hiện mùi       | Không có mùi lạ                    |
| 5  | pH <sup>(*)</sup>                                                          | TCVN 6492:2011                             | 6,99                      | Trong khoảng 6,0-8,5               |
| 6  | Độ đục (NTU) <sup>(*)</sup>                                                | TCVN 12402-1:2020                          | 0,23                      | 2                                  |
| 7  | Clo dư tự do (mg/L) <sup>(*)</sup>                                         | HACH 58700-00<br>Colorimeter               | 0,6                       | Trong khoảng 0,2-1,0               |
| 8  | Permanganat (mg/L)                                                         | TCVN 6186:1996                             | 0,6                       | 2                                  |
| 9  | Amoni (NH <sub>3</sub> và NH <sub>4</sub> <sup>+</sup> tính theo N) (mg/L) | HACH 8038:2017                             | KPH                       | 1                                  |
| 10 | Asen (Arsenic) (As) (mg/L) <sup>(**)</sup>                                 | TCVN 6626:2000                             | < MQL= 0,0012<br>(0,0007) | 0,01                               |

### Ghi chú:

KPH: không phát hiện

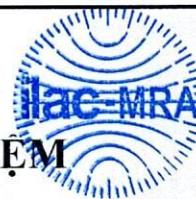
LOD: Giới hạn cho phép

MQL: Ngưỡng định lượng của phương pháp

<sup>(\*)</sup>: Chỉ tiêu đã được VILAS công nhận

<sup>(\*\*)</sup>: Chỉ tiêu được thực hiện bởi nhà thầu phụ

<sup>(\*\*\*)</sup>: Giới hạn cho phép theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch (QCVN 01 - 1 : 2024/BYT)



## PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Số: 566 / KSBT-XN-CDHA-TDCN

- Tên khách hàng: **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒ THỊ CAM RANH**
- Địa chỉ: 70 Nguyễn Trọng Kỳ - Phường Cam Linh – Khánh Hòa
- Mã số mẫu: 46425HD
- Loại mẫu: Nước sạch dùng cho mục đích sinh hoạt
- Vị trí lấy mẫu: Tại chợ Mỹ Thanh
- Mô tả mẫu: 04 lít đựng trong chai nhựa PE làm Hóa và 01 lít đựng trong chai thủy tinh vô khuẩn làm Vi sinh
- Ngày lấy mẫu: 18/8/2025
- Ngày nhận mẫu: 18/8/2025
- Thời gian kiểm nghiệm: 18/8/2025 đến 03/9/2025
- Ngày hẹn trả kết quả: 04/9/2025
- Kết quả kiểm nghiệm: xem trang 2/2

Khánh Hòa, ngày 13 tháng 9 năm 2025

TRƯỞNG KHOA

Ths. Trương Thị Lan Anh

GIÁM ĐỐC



Phạm Trọng Hoàng Vinh

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu được kiểm nghiệm.
- Không được trích sao một phần của kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của giám đốc trung tâm.
- Hết thời gian lưu mẫu Trung tâm không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại kết quả kiểm nghiệm của khách hàng.
- Để biết thêm thông tin, xin liên hệ: Khoa Xét nghiệm – CDHA - TDCN, địa chỉ: 04 Quang Trung – Nha Trang – Khánh Hòa. Điện thoại: 0258.3560.811



## KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

| TT | Chỉ tiêu Xét nghiệm/Đơn vị tính                                            | Phương pháp thử                            | Kết quả                   | Giới hạn cho phép <sup>(***)</sup> |
|----|----------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------|---------------------------|------------------------------------|
| 1  | Định lượng Coliforms tổng số <sup>(*)</sup><br>Phương pháp màng lọc        | TCVN 6187-1:2019                           | 0                         | < 1                                |
| 2  | Định lượng E.Coli <sup>(*)</sup><br>Phương pháp màng lọc                   | TCVN 6187-1:2019                           | 0                         | < 1                                |
| 3  | Màu sắc (TCU) <sup>(*)</sup>                                               | HACH 8025:2014                             | KPH<br>LOD=1,7            | 15                                 |
| 4  | Mùi <sup>(*)</sup>                                                         | QTKT-HNMV-09:2003<br>(Ref.SMEWW 2150:2023) | Không phát hiện mùi       | Không có mùi lạ                    |
| 5  | pH <sup>(*)</sup>                                                          | TCVN 6492:2011                             | 7,02                      | Trong khoảng 6,0-8,5               |
| 6  | Độ đục (NTU) <sup>(*)</sup>                                                | TCVN 12402-1:2020                          | 0,43                      | 2                                  |
| 7  | Clo dư tự do (mg/L) <sup>(*)</sup>                                         | HACH 58700-00<br>Colorimeter               | 0,4                       | Trong khoảng 0,2-1,0               |
| 8  | Permanganat (mg/L)                                                         | TCVN 6186:1996                             | 0,6                       | 2                                  |
| 9  | Amoni (NH <sub>3</sub> và NH <sub>4</sub> <sup>+</sup> tính theo N) (mg/L) | HACH 8038:2017                             | KPH                       | 1                                  |
| 10 | Asen (Arsenic) (As) (mg/L) <sup>(**)</sup>                                 | TCVN 6626:2000                             | < MQL= 0,0012<br>(0,0007) | 0,01                               |

### Ghi chú:

KPH: không phát hiện

LOD: Giới hạn cho phép

MQL: Ngưỡng định lượng của phương pháp

<sup>(\*)</sup>: Chỉ tiêu đã được VILAS công nhận

<sup>(\*\*)</sup>: Chỉ tiêu được thực hiện bởi nhà thầu phụ

<sup>(\*\*\*)</sup>: Giới hạn cho phép theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch (QCVN 01 -1 : 2024/BYT)